



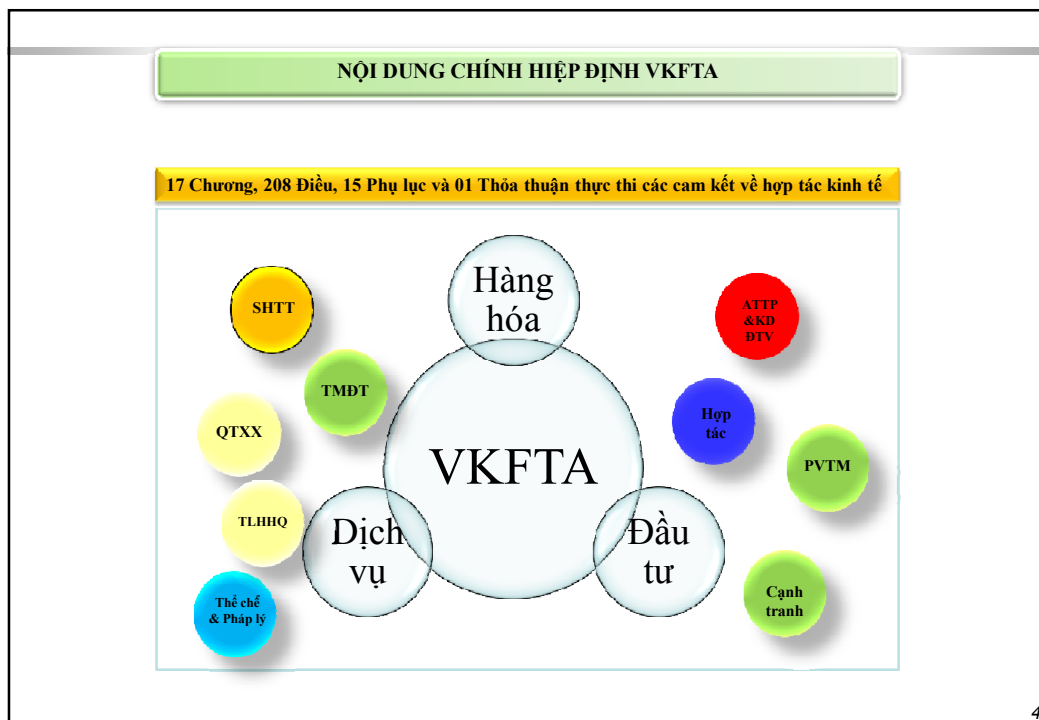
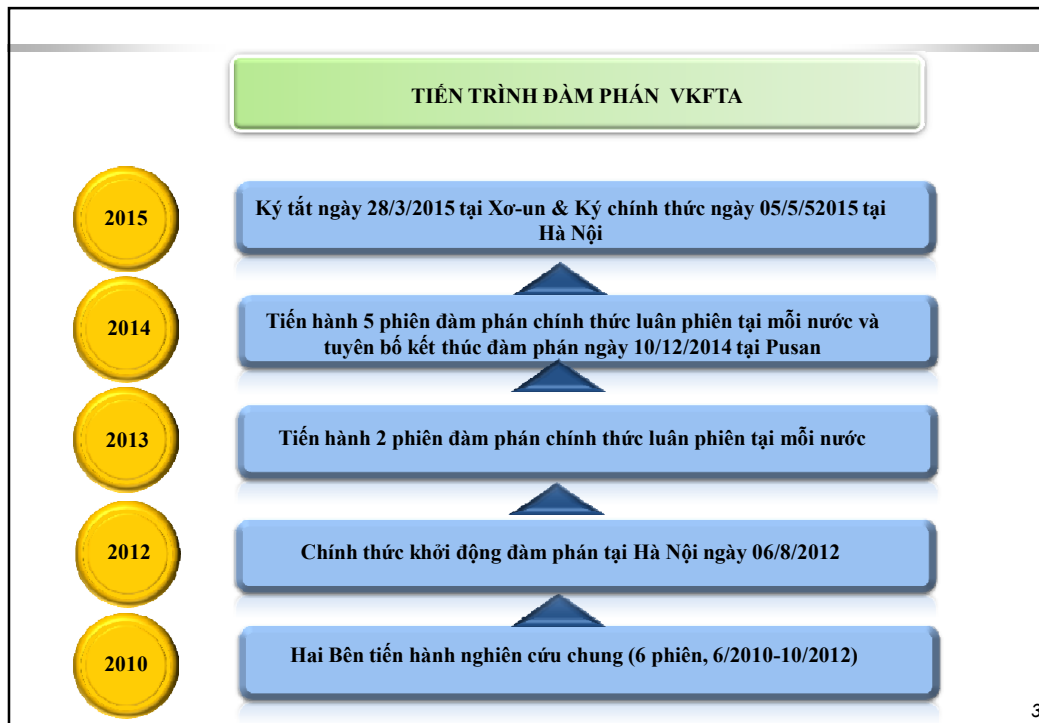
HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – HÀN QUỐC CÁCH THỨC TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

**Vũ Châu Á – Thái Bình Dương
Bộ Công Thương**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

- I TIẾN TRÌNH ĐÀM PHÁN VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VKFTA**
- II TÁC ĐỘNG THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH VKFTA**
- III CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC**
- IV NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG XNK VỚI HÀN QUỐC**



NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Chương 2: Đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường cho hàng hóa

-15 Điều bao gồm:

- **Phạm vi, Đối xử quốc gia về Thuế và quy định trong nước**
- **Cắt giảm thuế hải quan (Phụ lục 2-A):**
 - + Quy định cụ thể về cắt giảm thuế theo các Lộ trình cam kết. Trong danh mục cắt giảm thuế có nhiều loại Lộ trình: Y-1, Y-3, Y-5, Y-7, Y-8, Y-10, Y-15 và E. Trong đó Y-1: nghĩa là bên cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan hoàn toàn từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Thuế hải quan với hàng hóa có xuất xứ Lộ trình E có nghĩa mức thuế xuất cơ sở sẽ tiếp tục được duy trì khi Hiệp định có hiệu lực.
 - + Thuế suất cơ sở trong Biểu cam kết thuộc Phụ lục 2-A là: Thuế suất thấp hơn thuế suất MFN của một bên có hiệu lực từ 1/1/2012 và mức thuế suất ưu đãi trong AKFTA 1/1/2012
- **Quản lý TRQ của Hàn Quốc:** Ngoài tận dụng 9.300MT trong AKFTA, Việt Nam còn được Hàn Quốc cho phép xuất khẩu thủy sản theo TRQ từ mức 10.000MT kể từ khi Hiệp định có hiệu lực và tăng dần đều hàng năm 10% trong vòng 5 năm.

Cốt lõi của đàm phán ta yêu cầu Hàn Quốc giảm thuế nhập khẩu đối với những hàng hóa mà ta có thể mạnh xuất khẩu như thủy sản, nông sản, dệt may, đồ gỗ, nội thất, thiết bị điện tử, cơ khí chế tạo... và ta bảo hộ được những mặt hàng nhạy cảm như phương tiện vận tải, sắt thép, gia cầm

5

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Hàng hóa (VKFTA)

- Về mức cam kết chung

	AKFTA	VKFTA
Mức độ cam kết của Hàn Quốc	- Giá trị nhập khẩu: 91,7% - Số dòng thuế: 91,3%	- Giá trị nhập khẩu: 97,2 % - Số dòng thuế: 95,4%
Mức độ cam kết của Việt Nam	- Giá trị nhập khẩu: 86,3% - Số dòng thuế: 87,1%	- Giá trị nhập khẩu: 92,7% - Số dòng thuế: 89,2%

6

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Hàng hóa

- Về mức cam kết cụ thể của Hàn Quốc

Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới quan trọng đối với các nhóm hàng nông, thủy sản chủ lực như tôm, cua, cá, hoa quả nhiệt đới, và hàng công nghiệp như dệt may, đồ gỗ, sản phẩm cơ khí... Việt Nam là đối tác FTA đầu tiên được Hàn Quốc mở cửa thị trường đối với những sản phẩm hết sức nhạy cảm trong nước như tỏi, gừng, mật ong, khoai lang... (thuế suất những mặt hàng này rất cao từ 241-420% do đặc biệt nhạy cảm với Hàn Quốc).

Ví dụ với mặt hàng tôm, Hàn Quốc miễn thuế cho Việt Nam với lượng hạn ngạch 10 nghìn tấn/năm và tăng dần trong 5 năm đến mức 15 nghìn tấn/năm miễn thuế, trong khi hiện nay Việt Nam chỉ tận dụng được 2.500 tấn/năm miễn thuế trong tổng số 5.000 tấn/năm dành cho 10 nước ASEAN).

7

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CỦA HÀN QUỐC ĐỐI VỚI MẶT HÀNG TÔM

Năm	Lượng (Tấn)
1	10.000
2	11.000
3	12.100
4	13.310
5	14.641
6	15.000

Sau năm thứ sáu, số lượng trong hạn ngạch sẽ duy trì như lượng của năm thứ sáu;

(b) Thuế hải quan của hàng hoá được nhập khẩu với tổng lượng vượt quá lượng được liệt kê cần phải theo quy định phù hợp với lộ trình "E" trong Lộ trình cắt giảm thuế quan của Hàn Quốc.

(c) Áp dụng đối với những mã HSK sau đây: 0306161090, 0306169090, 0306171090, 0306179090, 0306261000, 0306271000, và 1605219000.

8

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Hàng hóa

- Về mức cam kết cụ thể của Việt Nam

Cam kết đối với 200 mặt hàng, có KNNK từ Hàn Quốc là 737 triệu USD:

1. Nguyên phụ liệu dệt may, da giày (31 dòng): KNNK 434 triệu USD/năm
2. Động cơ, linh kiện, phụ tùng ô tô (33 dòng): KNNK 96 triệu USD/năm
3. Nguyên liệu nhựa: (8 dòng): KNNK 49 triệu USD/năm
4. Điện gia dụng (15 dòng): KNNK 12,5 triệu USD/năm
5. Máy móc thiết bị (ắc quy, máy biến thế, động cơ điện) (16 dòng): KNNK 14 triệu USD/năm
6. Ô tô (1 dòng xe tải trên 10 tấn, 1 dòng ô tô con trên 3000cc): KNNK 4,6 triệu USD/năm
7. Sản phẩm & linh kiện điện tử (31 dòng): KNNK 33 triệu USD/năm
8. Mỹ phẩm (7 dòng): KNNK 12,7 triệu USD/năm
9. Dược phẩm (6 dòng): KNNK 0,25 triệu USD/năm
11. Dây điện, cáp điện (4 dòng): KNNK 3,2 triệu USD/năm
12. Hàng hóa khác (29 dòng): KNNK 67,7 triệu USD/năm

9

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Chương 3: Quy tắc Xuất xứ

-26 Điều, được chia làm 3 phần, bao gồm:

- Quy tắc Xuất xứ; Quy trình cấp và kiểm tra xuất xứ; và Thuật ngữ.

Chương 4: Thủ tục Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại

12 Điều, bao gồm:

- Công bố thông tin; Tư vấn; Giải phóng hàng; Tự động hóa; Quản lý rủi ro; Hợp tác, Bảo mật thông tin; Rà soát và Khiếu nại; Xử phạt; Phán quyết trước; Tham vấn; Ủy ban Hải Quan và Định nghĩa.
- Cơ chế Ủy ban Hải quan được 2 Bên thiết lập nhằm đảm bảo thực hiện trọn vẹn Chương 3 và giải quyết các vấn đề phát sinh.

10

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Chương 5: Các Biện pháp An toàn thực phẩm và Kiểm dịch Động thực vật

6 Điều, bao gồm:

- Mục tiêu; Phạm vi và Định nghĩa; Quy định chung; Hợp tác kỹ thuật; Ủy ban SPS; Giải quyết tranh chấp theo cơ chế WTO.
- Ủy ban SPS là cơ chế đặc biệt điều phối và giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan đến SPS, bao gồm các sự hợp tác và hỗ trợ từ phía Hàn Quốc.

Chương 6: Hàng rào kỹ thuật đối với Thương mại

11 Điều, chủ yếu dựa vào Hiệp định TBT mà Việt Nam và Hàn Quốc là thành viên trong WTO.

Chương 7: Phòng vệ Thương mại

12 Điều, chia làm 4 Mục:

- Mục A: Các biện pháp Tự vệ;
- Mục B: Thuế chống bán phá giá và Thuế đối kháng
- Mục C: Ủy ban Phòng vệ thương mại
- Mục D: Các Định nghĩa

11

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Chương 8: Thương mại dịch vụ

20 Điều, trong 3 phần và kèm 4 Phụ lục 8-A; 8-B; 8-C và 8-D

- Phụ lục 8-A: Dịch vụ tài chính
- Phụ lục 8-B: Dịch vụ Viễn thông;
- Phụ lục 8-C: Di chuyển thể nhân
- Phụ lục 8-D: Biểu cam kết cụ thể

Chương 9: Đầu tư

28 Điều, trong 3 Phần và kèm 3 Phụ lục:

- Phần A: Đầu tư; Phần B: Giải quyết tranh chấp và Phần C: Định nghĩa
- Phụ lục A: Luật pháp Quốc tế
- Phụ lục B: Tước quyền sở hữu
- Phụ lục C: Chuyển tiền

12

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Thương mại dịch vụ (VKFTA)

- Việt Nam chấp nhận cam kết đối với một số nội dung mới như hệ thống thanh toán bù trừ và dịch vụ tài chính mới.

Phụ lục Tài chính


- Điều chỉnh các biện pháp, các chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thương mại dịch vụ và mạng viễn thông công cộng.

Phụ lục Viễn thông


- Hàn Quốc cam kết các nội dung về quản lý, cấp phép, minh bạch hóa,... đặc biệt là cơ chế hợp tác, tham vấn.

Phụ lục Di chuyển thể nhân


- Được điều chỉnh cho phù hợp hơn với bối cảnh song phương nhưng không tạo ra các nghĩa vụ cao đối với Việt Nam

Lời văn Chương, lời văn các Phụ lục


13

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Thương mại dịch vụ (VKFTA)

- Tóm tắt cam kết

Việt Nam

- Việt Nam mở cửa hơn cho Hàn Quốc so với cam kết WTO và Hiệp định AKFTA trong 2 phân ngành: i) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị; và ii) Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác không kèm người điều khiển.

Hàn Quốc

- Hàn Quốc mở cửa thêm cho Việt Nam so với cam kết trong Hiệp định AKFTA đối với 5 phân ngành: i) Dịch vụ pháp lý; ii) Dịch vụ chuyển phát; iii) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa đường sắt; iv) Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ vận tải đường sắt; v) Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên.

14

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Đầu tư (VKFTA)

- Tóm tắt cam kết

Chương Đầu tư là một trong những Chương quan trọng của Hiệp định VKFTA với phạm vi áp dụng rộng và sâu hơn Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư VN – HQ và Hiệp định Đầu tư trong Hiệp định FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) gồm các quy định về đối xử quốc gia (NT), tối huệ quốc (MFN), Nhân sự quản lý cao cấp (SMBD), Cấm đưa ra các yêu cầu về kết quả hoạt động, Tước quyền sở hữu, Bồi thường thiệt hại, Chuyển tiền, Thế quyền, Từ chối lợi ích,... Riêng đối với các biện pháp không phù hợp, hai Bên nhất trí xây dựng Danh mục bảo lưu về các quy định pháp luật của mỗi Bên mà không phù hợp với các quy định về NT, MFN, PR, SMBD. Các danh mục này sẽ được xây dựng trong vòng 1 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

15

NỘI DUNG CHÍNH HIỆP ĐỊNH VKFTA

Chương 10: Thương mại Điện tử

9 Điều, đề cập đến các vấn đề liên quan hỗ trợ hoạt động giao dịch thương mại điện tử giữa các doanh nghiệp 2 nước.

Chương 11: Cạnh tranh (11 Điều)

Chương 12: Sở hữu Trí tuệ (11 Điều)

Chương 13: Hợp tác kinh tế (5 Điều và 1 Phụ lục về hợp tác trong các Dịch vụ liên quan đến Văn hóa.

Chương 14: Minh bạch hóa (5 Điều)

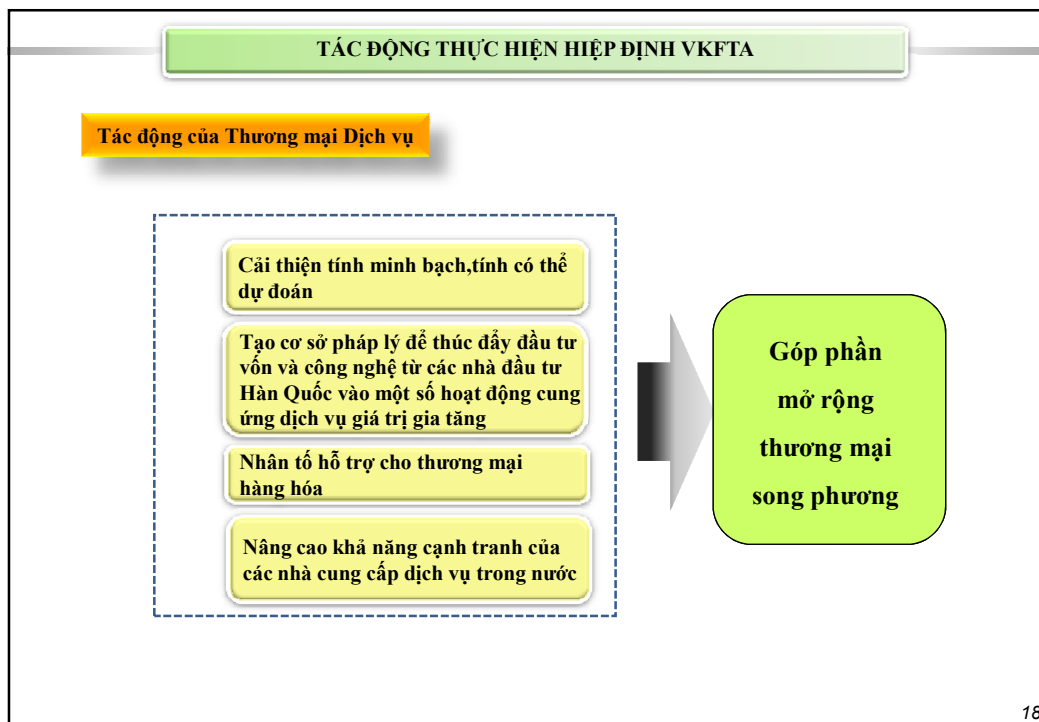
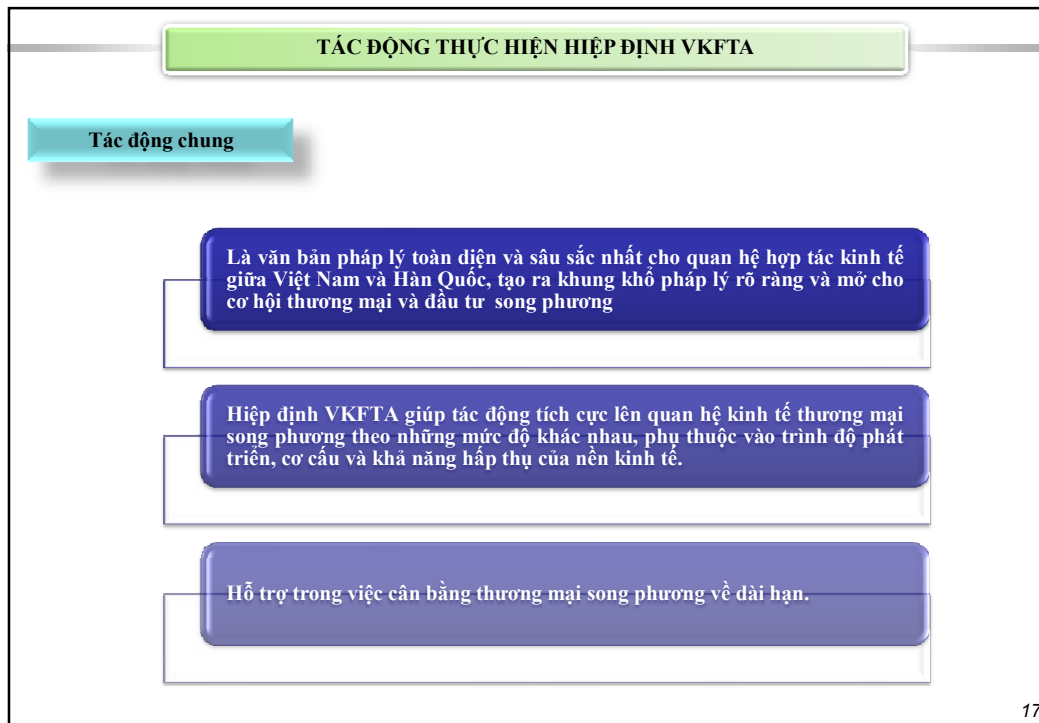
Chương 15: Giải quyết tranh chấp (18 Điều, 2 Phụ lục)

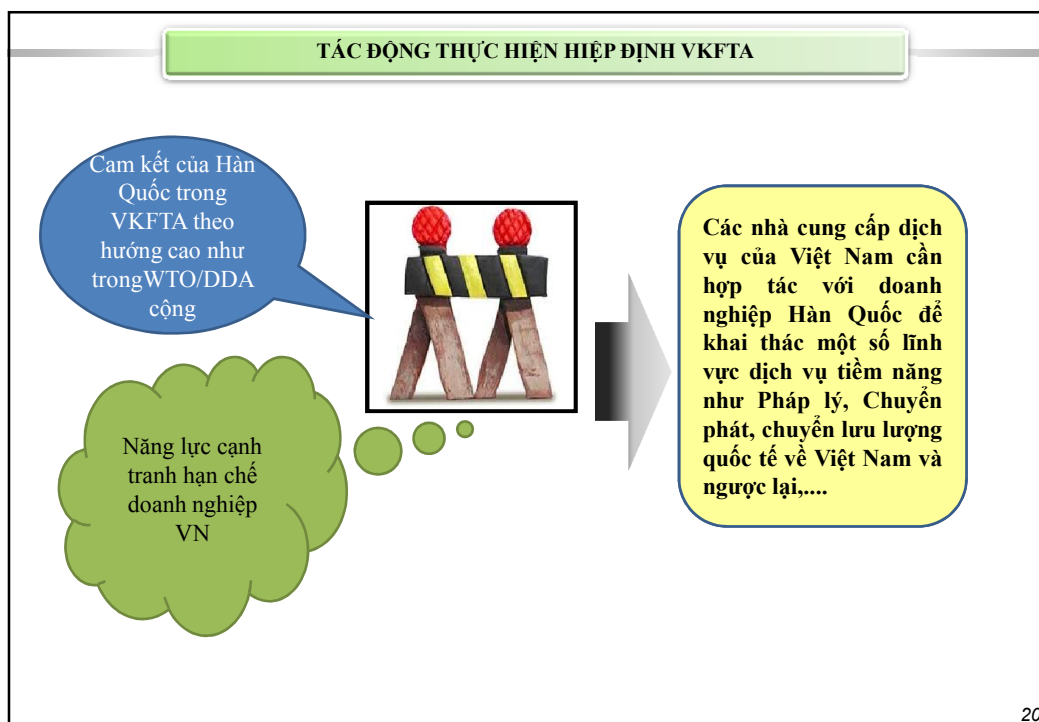
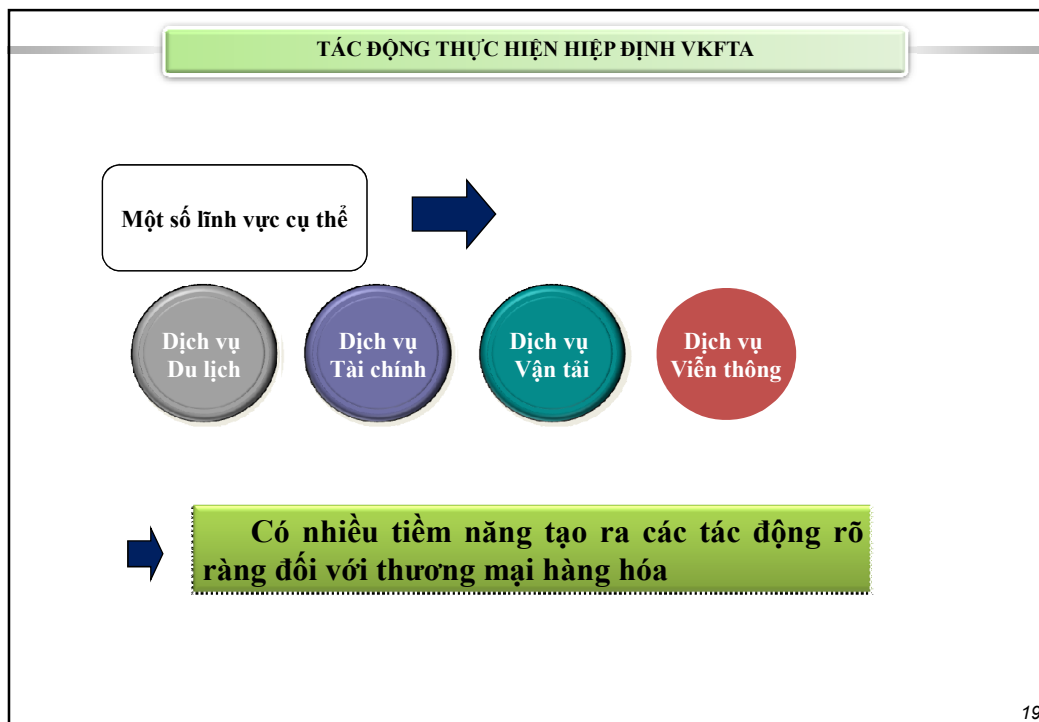
Chương 16: Ngoại lệ (4 Điều)

Chương 17: Điều khoản thể chế và Điều khoản cuối cùng (10 Điều)

THỎA THUẬN THỰC THI HỢP TÁC KINH TẾ (tại Chương 13)

16





TÁC ĐỘNG THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH VKFTA

Tác động từ cam kết Đầu tư

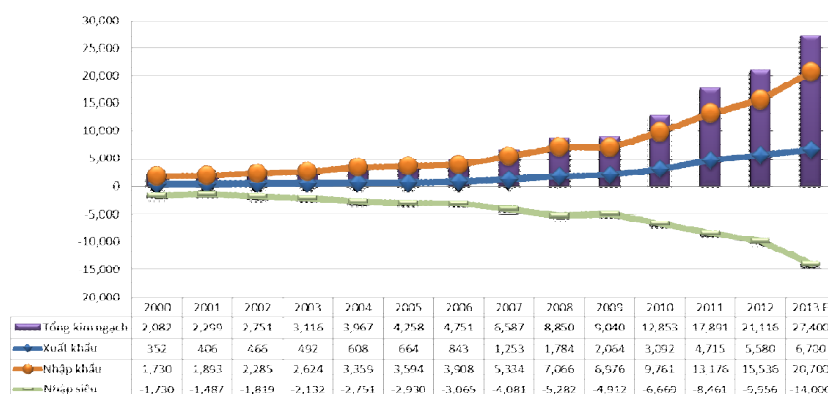
Các cam kết trong Chương đầu tư phù hợp với Hiến pháp và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Chương Đầu tư cùng với các cam kết khác của Hiệp định VKFTA tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, ổn định, phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần thu hút đầu tư từ Hàn Quốc, một trong những mục tiêu quan trọng của việc đàm phán, ký kết và thực hiện Hiệp định VKFTA. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng tác động của Hiệp định đầu tư đối với môi trường đầu tư ở Việt Nam phụ thuộc đáng kể vào các yếu tố bên ngoài hơn là vào bản thân các cam kết trong hiệp định. Các yếu tố này bao gồm:

-  ➡ Bản chất của đầu tư
-  ➡ Chất lượng thực tại của môi trường đầu tư ở Việt Nam
-  ➡ Vị trí địa lý và năng lực cạnh tranh so với các quốc gia khác trong khu vực

21

CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Quan hệ thương mại song phương tăng trưởng đáng kể trong hơn 2 thập kỷ qua. Thương mại hai chiều đã tăng hơn 57 lần, từ 0,5 tỷ USD năm 1992 lên 28,8 tỷ USD năm 2014. Năm 2014, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam, và Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 của Hàn Quốc.



22

CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

ANITA & VITA

Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng Thủy sản

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0301992000	Đuôi vàng	10	Y-5
0301995000	Cá trích biển	10	Y-5
0301996000	Cá chình răng nhọn	10	Y-3
0301997000	Cá mút đá myxin	10	Y-5
0302220000	Cá bơn sao (Pleuronectes platessa)	20	Y-3
0302240000	Cá bơn Turbot (Psetta maxima)	20	Y-3
0302290000	Loại khác	20	Y-3
0302310000	Cá ngừ vây dài (Thunnus alalunga)	20	Y-3
0302320000	Cá ngừ vây vàng (Thunnus albacares)	20	Y-3
0302352000	Cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis)	20	Y-3
0302390000	Loại khác	20	Y-3
0302891000	Đuôi vàng	20	Y-3
0303310000	Cá bơn lưỡi ngựa (Halibut) (Reinhardtius hippoglossoides, Hippoglossus hippoglossus, Hippoglossus stenolepis)	10	Y-3
0303320000	Cá bơn sao (Pleuronectes platessa)	10	Y-3
0303340000	Cá bơn Turbot (Psetta maxima)	10	Y-3
0303530000	Cá trích đầu (Sardina pilchardus, Sardinops spp.), cá trích xương (Sardinella spp.), cá trích kẻ hoặc cá trích com (Sprattus sprattus)	10	Y-3
0303899050	Cá quân (bao gồm cả cá rô biển Thái Bình Dương)	10	Y-5
0303899070	Cá mút đá (Thái Bình Dương, Đại Tây Dương)	10	Y-5
0305202000	Sẹ và bọc trứng cá, làm khô	20	Y-3

23

CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

ANITA & VITA

Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng Thủy sản

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0305640000	Cá rô phi (Oreochromis spp.), cá da trơn (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.), cá chép (Cyprinus carpio, Carassius Carassius, Ctenopharyngodon idellus, Hypophthalmichthys spp., Cirrhinus spp., Mylopharyngodon piceus), cá chình (Anguilla spp.), cá chêm (Lates niloticus) và cá quả (hoặc cá chuối, cá lóc) (Channa spp.)	20	Y-3
0305696000	Corvina vàng	20	Y-5
0305713000	Muối hoặc ngâm nước muối	20	Y-3
0307411000	Mực nang	10	Y-5
0307712090	Loại khác	20	Y-3
0307791030	Hến	20	Y-5
0307793020	Hến	20	Y-5
0307793090	Loại khác	20	Y-3
0307893000	Muối hoặc ngâm nước muối	20	Y-3
0307991900	Loại khác	20	Y-10
0307993900	Loại khác	20	Y-3
0308302000	Đông lạnh	20	Y-3
0308902090	Loại khác	20	Y-3

24

CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

APFTA & VKFTA

Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng Nông Thủy sản

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0303230000	Cá rô phi (<i>Oreochromis</i> spp.)		10 Y-10
0303290000	Loại khác		10 Y-10
0303550000	Cá nục gai và cá sông (<i>Trachurus</i> spp.)		10 Y-10
0303893090	Loại khác		10 Y-10
306149090	Cua		14 Y-10
0306273000	Muối hoặc ngâm nước muối	38% hoặc 256won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-10
0409000000	Mật ong tự nhiên.	243% hoặc 1,864won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-15
0713329000	Loại khác	420.8	Y-15
0802320000	Đã bóc vỏ	30	Y-10
1108191000	Từ khoai lang	241.2	Y-15
1212215010	Muối	20	Y-10
1604141019	Loại khác	20	Y-10
1604149000	Loại khác	20	Y-10

25

CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

APFTA & VKFTA

Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng trái cây

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0803900000	Loại khác	30	Y-10
0804300000	Quả dứa	30	Y-10
0804501000	Ổi	30	Y-10
0804502000	Xoài	30	Y-10
0804503000	Mãng cụt	30	Y-10
0807200000	Quả đu đủ	30	Y-10
0810600000	Quả sầu riêng	45	Y-10
0810909000	Loại khác	45	Y-10
0811909000	Loại khác	30	Y-10
0813409000	Loại khác	45	Y-10
2008200000	Dứa	45	Y-10
2008971010	Trong thùng kín, thêm đường	50	Y-10
2008979000	Loại khác	45	Y-10
2008999000	Loại khác	45	Y-10
2009891090	Loại khác	50	Y-10

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0710802000	Tỏi		27 Y-10
0712901000	Tỏi	360% hoặc 1,800won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-10
0910112000	Khô	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910119000	Loại khác	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910121000	Tươi hoặc ướp lạnh	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910122000	Khô	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910129000	Loại khác	377.3% hoặc 931won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-10

26

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

NGHIÊN CỨU VÀ ĐIỀU TRA THỊ TRƯỜNG

- Làm thế nào để biết được cơ hội thị trường của sản phẩm cần bán?
 - Thông tin mạng B2B, Trade portal Hiệp hội; Doanh nghiệp lớn
 - Hiệp hội Hàn Quốc KOIMA, KITA, KOTRA, ĐSQ (thương vụ)
- Làm thế nào để biết được thông tin của các nhà nhập khẩu và nhà phân phối?
 - Tập đoàn phân phối lớn (phòng XNK)
 - Hệ thống các công ty thương mại, KOIMA, Kbiz, Kocharm...
- Làm thế nào để có thể lựa chọn được thị trường ngách mà cần phát triển sản phẩm?
 - Thị trường người tiêu dùng Việt tại Hàn Quốc
 - Sản phẩm đặc sản Việt Nam tại kênh phân phối của người Hàn

27

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

LỰA CHỌN ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI

- Làm thế nào có thể lựa chọn được đối tác tin cậy?
 - Tập đoàn phân phối lớn như Lotte Mart, Emart, Costco...
 - Người giới thiệu tin cậy: ĐSQ, Hiệp hội ngành hàng, bạn hàng thân thiết...
 - Kiểm tra chéo.
- Làm thế nào để có thể đưa được sản phẩm tới người tiêu dùng Hàn Quốc?
- Làm thế nào để có thể duy trì được thị phần và thị trường, để phát triển bền vững tại thị trường Hàn Quốc?
- Làm thế nào để có thể kiểm soát được rủi ro thương mại?

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU TÂM

- Vấn đề tiêu chuẩn và hợp chuẩn?
- Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm?
- Vấn đề xuất xứ hàng hóa?
- Vấn đề bao bì, nhãn mác và thiết kế mẫu mã hàng hóa?
- Vấn đề văn hóa tiêu dùng?

28

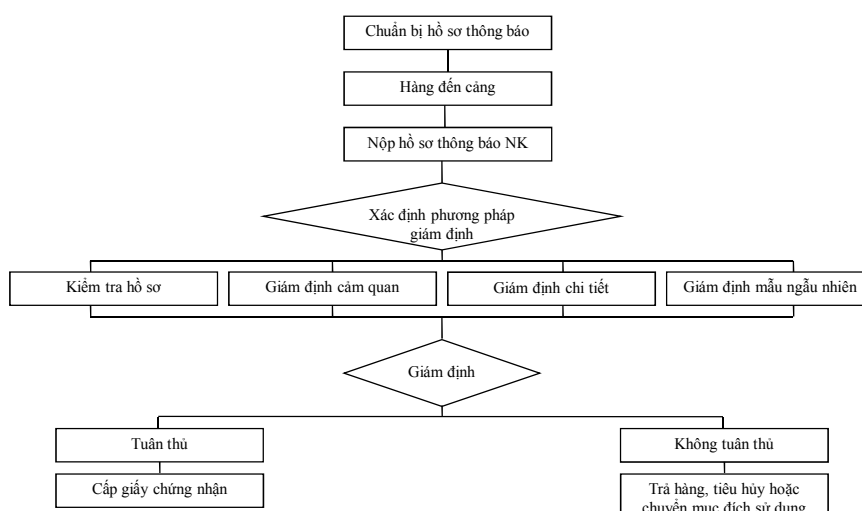
NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Tra cứu thông tin về ưu đãi trong Hiệp định VKFTA

- Biểu thuế cam kết chung của Hàn Quốc và Việt Nam:
 - <http://www.fta.go.kr/main/situation/kfta/lov3/vn/2/>
- Thuế suất đối với từng mặt hàng cụ thể
 - <http://english.customs.go.kr/kcshome/tariff/CustomsTariffView.do>
- Quy tắc xuất xứ cho hàng xuất khẩu của Việt Nam (dự kiến sẽ ban hành khi Hiệp định VKFTA có hiệu lực)

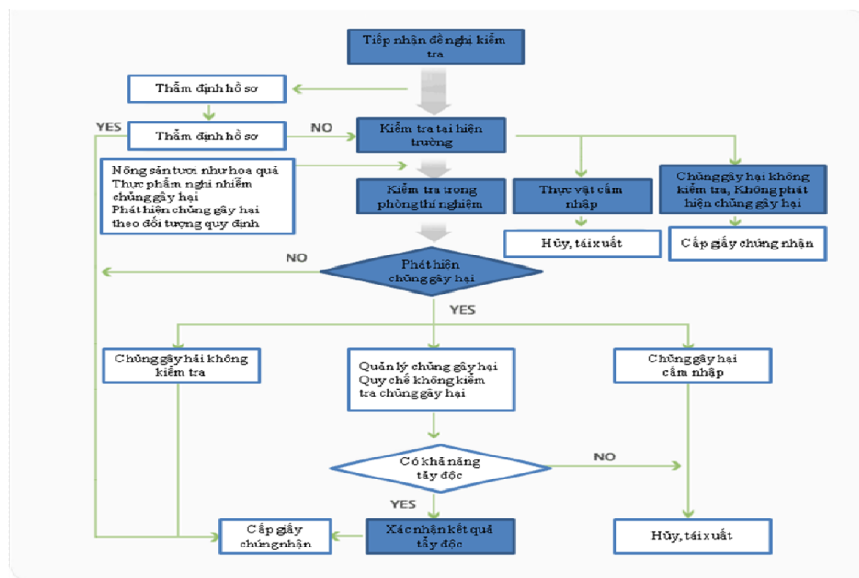
NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Quy trình thông báo thực phẩm nhập khẩu



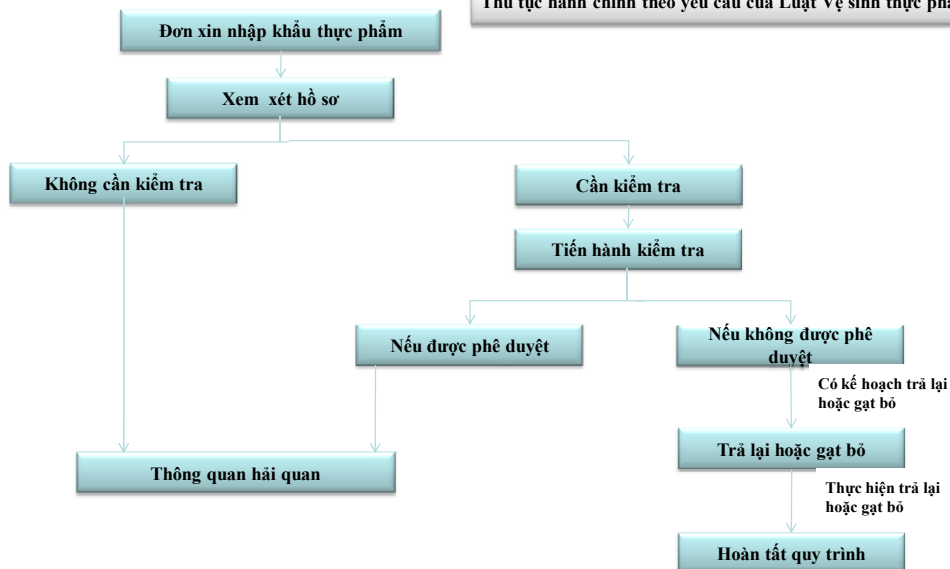
NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Quy trình nhập khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật



NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Thủ tục hành chính theo yêu cầu của Luật Vệ sinh thực phẩm

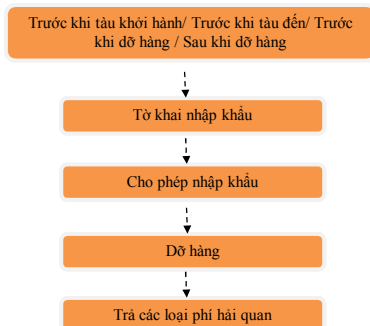


NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Quy trình nhập khẩu thực phẩm của Hàn Quốc

Các cơ quan liên quan đến nhập khẩu thực phẩm như: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc (KCS), Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (KFDA), Phòng kiểm dịch quốc gia (NQO) (đối với trường hợp không có Phòng kiểm dịch khu vực của KFDA), Cơ quan Kiểm dịch Kiểm tra Nông Lâm Thủy sản - Animal, Plant and Fisheries Quarantine and Inspection Agency (QIA).

Hình 1-1: Quy trình thủ tục hải quan



Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc (KCS)

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Tận dụng các kênh hỗ trợ của Việt Nam và Hàn Quốc (Thương vụ Việt Nam, KOTRA, các hiệp hội ngành hàng...)

Khai thác triệt để ưu đãi do các Hiệp định song phương, đa phương mang lại.

Hiểu biết các quy định, tiêu chuẩn VSATTP và thực tế kiểm dịch tại Hàn Quốc sẽ giúp cung cấp được sản phẩm ổn định chất lượng, hạn chế bị trả lại hàng, rút ngắn thời gian kiểm dịch.

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Lưu ý khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc đối với một số mặt hàng cụ thể (1)

- Thủy sản:
 - Thỏa thuận về hợp tác kiểm dịch giữa NAFIQAD và QIA
 - Sự tham gia của KFDA
 - Cam kết mở cửa thị trường của Hàn Quốc trong AKFTA và VKFTA
- Rau quả
 - Nhập khẩu hoa quả tươi được xét theo từng loại quả
 - Trường hợp quả thanh long
 - Cạnh tranh với các đối thủ khác
- Sắn
 - Thuế ngoài hạn ngạch rất cao (887,4%)
 - Hạn ngạch quy định là tự nguyện, được phân bổ từng năm

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Lưu ý khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc đối với một số mặt hàng cụ thể (1)

- Gạo
 - Phân bổ hạn ngạch
 - Quy định về đối tượng tham gia dự thầu
 - Đặt cọc thực hiện hợp đồng
 - Điều kiện giao nhận hàng
 - Quy cách chất lượng gạo dự thầu

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

1. NHÓM HÀNG DỆT MAY & GIÀY DÉP
2. NHÓM HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG VÀ CHẾ BIẾN
3. NHÓM HÀNG GIA DỤNG
4. NHÓM HÀNG THỦY HẢI SẢN TƯƠI SỐNG VÀ CHẾ BIẾN SẴU
5. NHÓM HÀNG NGŨ CỐC CHẾ BIẾN
6. NHÓM HÀNG ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ ĐIỆN
7. NHÓM HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN
8. NHÓM HÀNG MÁY MÓC THIẾT BỊ, CÔNG CỤ CHẾ TẠO VÀ PHỤ TÙNG
9. NHÓM HÀNG HÓA SẢN PHẨM TIỀM NĂNG KHÁC...

37

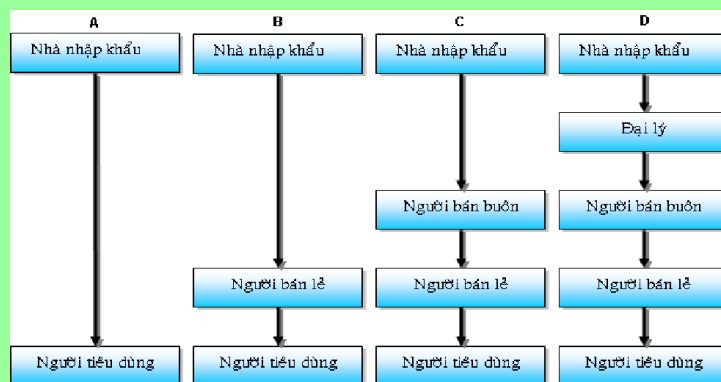
NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

1. TÂM LÝ TIÊU DÙNG CỦA NGƯỜI HÀN QUỐC
 - Người tiêu dùng trong Hàn Quốc thường có xu hướng sử dụng sản phẩm nông sản thực phẩm trong nước với lý do sản phẩm trong nước an toàn hơn sản phẩm nước ngoài.
2. BẢO HỘ CỦA NHÀ NƯỚC VỚI SẢN PHẨM NÔNG SẢN
 - Hàn Quốc có bảo hộ cao đối với các mặt hàng nông sản, gia súc, gia cầm, sản phẩm sữa, hoa quả, cây công nghiệp, sản lát, tinh bột, vừng, khoai tây, khoai lang, tỏi, ớt, hạt tiêu, đậu, lúa mỳ, lúa mạch...
 - Áp dụng các biện pháp như TRQs, thuế theo mùa,
3. HÀNG RÀO TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG (TBTs, IPRs)
4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI PHỨC TẠP
 - Hàng trăm đại siêu thị (Hypermarket), hàng nghìn siêu thị lớn nhỏ (Supermarket; Minimart); hàng chục ngàn cửa hàng tiện ích và hàng trăm ngàn cửa hàng gia đình đã khiến sự cạnh tranh và hệ thống hóa cao độ kênh phân phối;
 - Hệ thống nhập khẩu, mua hàng và bảo quản phức tạp...
5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH VÀ YÊU CẦU CAO VỀ GIÁ TRỊ

38

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

- Hệ thống phân phối phức tạp



Một số địa chỉ hữu ích của Hàn Quốc

- ĐỊA CHỈ CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC

- KITA – Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc (www.kita.net)
- KOIMA – Hiệp hội các nhà nhập khẩu (www.import.or.kr)
- KCCI – Phòng TM và CN Hàn Quốc (www.korcham.net)
- QIA - Cơ quan Giám sát và Kiểm dịch Động vật Thực vật Hàn Quốc (www.qia.go.kr)
- KCS – Hải Quan Hàn Quốc (www.customs.go.kr)
- SBC – Tập đoàn Doanh nghiệp Vừa và nhỏ Hàn Quốc (www.sbc.co.kr)
- KBIZ – Nghiệp đoàn doanh nghiệp nhỏ và vừa Hàn Quốc (www.kbiz.or.kr)
- Mạng tin tổng hợp Hàn Quốc www.korea.net

Một số địa chỉ hữu ích của Việt Nam

- **VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG, BỘ CÔNG THƯƠNG**
Tel: 04 2220 5423 Fax: 04 2220 5518
Email: vcatbd@moit.gov.vn
- **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, BỘ CÔNG THƯƠNG**
Tel: 04 3934 7628 Fax: 04 3934 8142
- **CỤC XUẤT NHẬP KHẨU, BỘ CÔNG THƯƠNG**
Tel: 04 3934 7628 Fax: 04 3934 8142
- **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC**
Tel: (822) 362-2013 / 364-3661 / 364-3662 Fax: (822) 364-3664
Email: kr@moit.gov.vn
- **PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP HÀN QUỐC (KCCI)**
Tel: (822) 3163114 Fax: (822) 7579475
Email: trade@korcham.net Website: <http://www.korcham.net>
Văn phòng đại diện tại Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 9, Trung tâm Deaha Business, số 360 Kim Mã, Quận Ba Đình Hà Nội
Tel: 04-3771-3719 Fax: 04-3771-3719

